

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 58/2023/HS-PT

Ngày: 29-8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Văn Tuấn**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Trí Chinh** và ông **Nguyễn Nhật Duật**.

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà **Trần Thị Minh Hảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo **Bùi Hương T**, do có kháng cáo của bị cáo **Bùi Hương T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: **Bùi Hương T**; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1973, tại **thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**; nơi thường trú: **tổ E, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; nơi ở trước khi bị bắt: **tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Xuân T1** và bà **Nguyễn Thị R**; có chồng, đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 23/10/2022; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2022, tạm giam từ ngày 02/11/2022; hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

- *Bị hại:* anh **Bùi Văn D**, sinh năm: 1975; nơi thường trú: **tổ G, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2020, anh **Bùi Văn D** có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho thửa đất số 3, tờ bản đồ số 00 tại **thôn D, xã T, thành phố H**, theo GCNQSDĐ số AB 520273, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01178 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **huyện H (nay là thành phố H)** cấp ngày 20/10/2006.

Thửa đất này, anh **D** nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông **Đỗ Văn C** và bà **Nguyễn Thị H** cùng trú tại **thôn D, xã T, thành phố H** vào tháng 10/2019. Khoảng tháng 7/2020, thông qua bạn là chị **Bùi Thị L** giới thiệu anh **D** biết và nhờ **Bùi Hương T** giúp làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho thửa đất nêu trên. Sau đó, **T** đã liên hệ với **Công ty cổ phần Đ1** đo đạc lại hiện trạng thửa đất trên và cầm bộ hồ sơ đến **Trung tâm hành chính công thành phố H** để kiểm tra, rồi **T** thông báo cho anh **D** chi phí làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho thửa đất hết 650.000.000 đồng (không bao gồm tiền thuế và các khoản lệ phí khác), anh **D** đồng ý. Ngày 22/01/2021, anh **D** giao trước cho **T** 350.000.000 đồng có viết giấy giao nhận tiền và **T** ký xác nhận, có sự chứng kiến của anh **Nguyễn Minh T2**. Số tiền còn lại anh **D** và **T** thống nhất sau khi hoàn thành việc đóng thuế thửa đất trên thì anh **D** sẽ thanh toán cho **T**. Ngày 25/01/2021, anh **D** chuyển thêm 20.000.000 đồng vào số tài khoản của **T** mở tại **ngân hàng S** để **T** làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Đến khoảng tháng 6/2021, anh **D** tiếp tục nhờ **T** làm giúp thủ tục cấp GCNQSDĐ cho thửa đất có diện tích 210m² ở **tổ A, khu E, phường H, thành phố H** có nguồn gốc anh **D** mua của ông **Nguyễn Văn M** (hiện đã chết) từ năm 2000, chưa được cấp GQNQSDĐ, **T** thông báo chi phí làm thủ tục là 120.000.000 đồng (không bao gồm tiền thuế và các khoản lệ phí khác), anh **D** đồng ý. Sau đó, anh **D** chuyển khoản trước 60.000.000 đồng vào số tài khoản của **T** mở tại **ngân hàng S**, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận anh **D** sẽ chuyển đủ cho **T** sau khi được cấp GCNQSDĐ. Sau khi nhận tiền và hồ sơ thửa đất nêu trên, **T** cầm hồ sơ đến gặp anh **Tăng Quốc Đ** là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố H** hỏi thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên thì được anh **Đ** trả lời thửa đất trên đủ điều kiện để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng, **T** đã nhận của anh **D** 430.000.000 đồng để làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cho 02 thửa đất nêu trên.

Đến tháng 10/2021, **T** vẫn chưa làm được thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên cho anh **D**. Lúc này, **T** nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 430.000.000 đồng của anh **D** đã đưa cho **T**. Để anh **D** tin tưởng mình đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, ngày 18/10/2021, **T** đã tự lên mạng Internet tìm hiểu và đánh máy 01 Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả của Trung tâm hành chính công **thành phố H** đề ngày 18/10/2021, tự ký tên vào mục “Người tiếp nhận hồ sơ” và đưa cho anh **D** để anh **D** tin tưởng. Sau đó, anh **D** nhiều lần hỏi **T** về việc làm hồ sơ thì đến khoảng tháng 11/2021, **T** lấy lý do hồ sơ của anh **D** đã gần xong và bảo anh **D** đưa bản gốc GCNQSDĐ của thửa đất tại **thôn D, xã T, thành phố H** mang tên ông **C**, bà **H** để **T** làm thủ tục cấp giấy. Ngày 22/01/2022, **T** tiếp tục đánh máy 01 Giấy hẹn trả kết quả và nộp thuế của **Trung tâm hành chính công thành phố H**, tự ký và ghi họ tên vào mục “Người nộp hồ sơ” là **Bùi Hương T** và đưa cho anh **D** để anh **D** tin tưởng. Đến cuối tháng 5/2022, do cần tiền chi tiêu nên **T** đã tự ý cầm GCNQSDĐ tại **thôn D, xã T, thành phố H** mang tên ông **C**, bà **H** đến cầm cố vay của chị **Lê Thị T3** số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó, anh **D** phát hiện **T** không làm được GCNQSDĐ cho mình nên đã yêu cầu **T** trả lại hồ sơ và số tiền 430.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 8/2022, **T** trả lại hồ sơ liên quan đến thửa đất nhận chuyển nhượng của ông **M** cho anh **D**, còn số tiền 430.000.000 đồng và hồ sơ thửa đất mang tên ông **C**, bà **Hải T4**

chưa trả, nên anh **D** đã trình báo sự việc đến **Công an thành phố H** và giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 giấy nhận tiền đề ngày 22/01/2021; 01 giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đề ngày 18/10/2021; 01 giấy hẹn kết quả và nộp thuế ngày 22/01/2022.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của **Bùi Hương T**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** đã thu giữ: 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên **Bùi Hương T**; 01 chiếc ví da cầm tay, màu rêu xanh, phần khóa bằng kim loại sáng màu có in chữ “MING YOU”; 01 chiếc thẻ **ngân hàng TMCP S1** số thẻ 9704030095940752; 01 chiếc thẻ **ngân hàng TMCP Đ2** số thẻ 9704.1800.7571.4725, tên chủ thẻ “BUI HUONG THANH” đều đã qua sử dụng. Chị **Lê Thị T3** tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 GCNQSDĐ số AB 520273, mang tên ông **Đỗ Văn C**, bà **Nguyễn Thị H** do **UBND huyện H** cấp ngày 20/10/2006.

Ngày 23/10/2022, **Bùi Hương T** viết đơn xin đầu thú nộp cho Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và khai: ban đầu khi anh **D** nhờ **T** làm thủ tục chuyển đổi mục đích và cấp GCNQSDĐ, **T** nghĩ mình có thể giúp được anh **D**, sau đó thuê người đo đạc thửa đất và cầm hồ sơ của anh **D** đến Trung tâm hành chính công để làm thủ tục. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 430.000.000 đồng của anh **D**, thì **T** bị tai nạn xe máy phải điều trị tại bệnh viện. Do không có tiền điều trị nên **T** đã nghĩ ra cách làm giả giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả của Trung tâm hành chính công đưa cho anh **D** để anh **D** tin tưởng, không giục **T** về việc làm hồ sơ. Số tiền 430.000.000 đồng Thanh đã chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng trả lại cho anh **D**. Ngoài ra **T** tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, loại 64GB, màu vàng, lắp 01 sim điện thoại mạng Viettel, số seri sim: 8984048000050361925.

Bản kết luận giám định 2112/KLGD-KTHS ngày 30/12/2022 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận:

- Chữ ký mang tên “**Bùi Hương T**” trong “Giấy nhận tiền” đề ngày 22/01/2021, “Giấy hẹn kết quả và nộp thuế” đề ngày 22/01/2022, “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả” đề ngày 10/4/2022 so với chữ ký mang tên “**Bùi Hương T**” trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết “**Bùi Hương T**” trong “Giấy nhận tiền” đề ngày 22/01/2021, “Giấy hẹn kết quả và nộp thuế” đề ngày 22/01/2022 và chữ viết mặt sau của “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả” đề ngày 10/4/2022 so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên “**Bùi Văn D**” trong “Giấy nhận tiền” đề ngày 22/01/2021 so với chữ ký mang tên “**Bùi Văn D**” trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết trong “Giấy nhận tiền” đề ngày 22/01/2021 so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh đứng tên “**Bùi Văn D**” là do cùng một người viết ra.

- Yêu cầu giám định chữ ký mang tên “**Đỗ Văn C**” trong “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả” đề ngày 10/4/2022 không đủ cơ sở để kết luận giám định.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xác minh thu thập lịch sử giao dịch tại tài khoản ngân hàng mang tên Bùi Hương T mở tại Ngân hàng S2 phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Hương T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: tuyên bố bị cáo Bùi Hương T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; căn cứ: khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Hương T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định buộc bị cáo Bùi Hương T trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; xử lý vật chứng; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và bảo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Theo nội dung đơn kháng cáo và đơn trình bày của bị cáo Bùi Hương T vào các ngày 28/6/2023; 13/7/2023; 21/7/2023; 26/7/2023 thì bị cáo làm đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Hương T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày các lý do để xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bị cáo Bùi Hương T bị Tòa cấp sơ thẩm xét xử về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại và giấy tờ chứng minh bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Tuy nhiên căn cứ về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Hương T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 156/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Hương T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bùi Hương T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

và phù hợp với các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/01/2021 đến 28/6/2021, tại địa bàn **thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**, bị cáo **Bùi Hương T** đã nhận tổng số tiền 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) của anh **Bùi Văn D** để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không bao gồm tiền thuế và các khoản lệ phí khác) cho 02 thửa đất tại **thôn D, xã T và tổ A, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** cho anh **D**. Sau đó, **T** đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền này của anh **D** để chi tiêu cá nhân và không trả lại cho anh **D**.

Hành vi phạm tội của bị cáo **Bùi Hương T** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Bùi Hương T**, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tuyên xử bị cáo **Bùi Hương T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại là anh **Bùi Văn D**; bị cáo có bố, mẹ là người có công với cách mạng. Đối với các tình tiết này, Hội đồng xét xử xem xét có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 156/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Bùi Hương T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không nhận kháng cáo của bị cáo **Bùi Hương T**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 156/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Bùi Hương T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 24 tháng 10 năm 2022).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc

bị cáo bị cáo **Bùi Hương T** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHAHS, CQCSĐT Công an thành phố Hạ Long;
- VKS, TAND, Chi cục THA DS thành phố Hạ Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn